

Bản án số: 44/2018/HSST

Ngày: 19-9-2018

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuấn

2. Ông Đinh Thanh Hải

3. Ông Vi Tuấn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2018/TLST- HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến A; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 16/12/1986 tại: tỉnh TQ.

Nơi ĐKNKTT: Thôn HB, xã DB, huyện YS, tỉnh TQ; Chỗ ở hiện nay: Phường CN2, Quận Bắc TL, thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Nguyễn Tiến H (đã chết). Con bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1959. Có vợ: Phạm Hiền L1, sinh năm 1986. (Đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2013. Tiền sự; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công An tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo (Tòa án chỉ định) luật sư Nguyễn Văn T - Văn phòng luật sư An Toàn, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Lương Xuân T, sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ 30, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1971

Trú tại:Tổ 30, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Trương Thanh T2, sinh năm 1953
Trú tại: Tổ 28, phường T3T4, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
(vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Xuân T5, sinh năm 1960
Trú tại: Tổ 26, phường T3T4, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)
3. Ông Trần Quang C, sinh năm 1957
Trú tại: Tổ 3, phường T3T4, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)
4. Ông Nguyễn Sơn Đ, sinh năm 1979
Trú tại: Ngõ 9, TQ, HBT, thành phố HN (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Anh Nguyễn Sơn Đ hiện đang công tác tại Bộ Công An nên khoảng tháng 8/2016, Nguyễn Tiến A đến nhà ông Trần Quang C, sinh năm 1957, trú tại: Tổ 03, phường T3T4, thành phố Thái Nguyên chơi và nói với ông C “Con có quen với một ông anh giữ chức vụ cao ở Bộ Công An nên con có khả năng xin được việc cho người khác vào biên chế trong ngành Công An. Nếu bố có người nhà hoặc quen biết ai đi nghĩa vụ Công An muốn chuyển vào biên chế trong ngành Công An thì chuyển thông tin người đó cho con, để con xin việc giúp cho”. Ông C tin tưởng các thông tin A nói là sự thật nên đã kể lại cho ông Trương Thanh T2, sinh năm 1953, trú tại: Tổ 28, phường T3T4, thành phố Thái Nguyên biết. Ông T2 cũng tin tưởng vào thông tin ông C đưa ra, tiếp tục kể lại cho ông Lương Xuân T, sinh năm 1968, trú tại: Tổ 30, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên biết.

Do có con trai là Anh Lương Hoàng H1, sinh năm 1993, đã hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công An nhân dân và có nguyện vọng muốn làm việc trong ngành Công An, ông T (có vợ là bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1971, trú tại tổ 30 phường PĐP, thành phố Thái Nguyên) đã đến gặp ông C để tìm hiểu và xin số điện thoại của A. Ngay sau khi có số điện thoại của A, vợ chồng ông T, bà T1 đã gọi điện cho A trao đổi thông tin về anh H1 và đặt vấn đề nhờ A xin cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An, A đồng ý và yêu cầu bà T1 gửi thông tin của anh H1 cho A. Trong ngày 13/9/2016, bà T1 gửi thông tin của anh H1 cho A bằng cách nhắn tin qua điện thoại di động. Sau đó, A đã đặt vấn đề nhờ anh Nguyễn Sơn Đ xin việc cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An nhưng anh Đ không đồng ý. Lúc này, A nảy sinh ý định gian dối, chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông T, bà T1 mang đi trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Để thực hiện ý định trên, từ ngày 13/9/2016 đến ngày 24/9/2016 A đã nhiều lần nói dối với vợ chồng ông T, bà T1 là anh Đ đã nhận lời xin việc cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An và hứa chắc chắn sẽ xin được cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An với điều kiện là vợ chồng ông T, bà T1 phải đưa cho A số tiền là 35.000USD, đưa tiền một lần và phải đưa trước khi anh H1 nhận được Quyết định vào biên chế trong ngành Công An... Tin tưởng những gì A nói là thật nên vào ngày 24/9/2016, tại bàn uống nước trên tầng hai nhà ông C, trước sự chứng kiến của ông Trương Thanh T2 và ông Trần

Quang C, vợ chồng ông T, bà T1 đã giao số tiền 35.000USD Mỹ cho A. A nhận đủ tiền và viết một giấy biên nhận có nội dung “Ngày 24/9/2016, Nguyễn T5 A đã nhận 35.000USD (Ba mươi lăm nghìn đô la Mỹ) của anh Lương Xuân T và hẹn ngày 25/4/2017 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã nhận”.

Sau khi nhận được số tiền trên, A không liên hệ xin việc cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An như đã hứa hẹn với vợ chồng ông T mà A mang 35.000USD trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 25/4/2017 vợ chồng ông T, bà T1 không thấy A xin được việc cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An nên đã nhiều lần yêu cầu A phải trả lại tiền nhưng A đều hứa hẹn là sẽ xin được cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An. Đến ngày 20/5/2017, tại nhà ông C, trước sự chứng kiến của ông Trần Quang C, ông Trương Thanh T2 và ông Nguyễn Xuân T5, sinh năm 1960, trú tại tổ 26, phường T3T4, thành phố Thái Nguyên A viết một giấy hẹn trả nợ đưa cho ông T, có nội dung “Ngày 24/9/2016 A đã nhận 35.000USD của anh Lương Xuân T để xin cho con trai anh T vào biên chế trong ngành Công An, nếu không xin được thì ngày 30/5/2017 sẽ trả lại anh T đủ số tiền 35.000 USD”. Đến ngày 30/5/2017 thấy A không trả lại tiền nên vợ chồng ông T, bà T1 đã làm đơn tố cáo A đến Cơ quan điều tra, Công An thành phố Thái Nguyên.

Tại bản kết luận giám định số 837/KL- PC54 ngày 08/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên “Nguyễn Tiến A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1,A2) so với chữ viết, chữ ký của “Nguyễn Tiến A” trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết và ký ra.

Tại công văn số 630/THN - TH ngày 01/8/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên trả lời Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công An thành phố Thái Nguyên xác định: tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho ngày 24/9/2016 là: 1 USD = 21.942,00VND; 35.000 USD được quy đổi ra tiền Việt Nam sẽ = 767.790.000đ (21.942,00đ x 35.000USD = 767.790.000đ).

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s gold, vỏ màu vàng - trắng, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc bị phát giác, Nguyễn Tiến A đã đến giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công An thành phố Thái Nguyên số tiền 240.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả cho vợ chồng ông T, bà T1. Cơ quan CSĐT Công An thành phố Thái Nguyên đã trả số tiền trên cho bị hại. Tại đơn xin xử vắng mặt của bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền là 527.790.000đồng.

Với hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS (P2) ngày 31/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Phản luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Tiến A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Nguyễn Tiến A từ 12 năm tù đến 13 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 585; 589 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến A phải bồi thường cho bị hại là anh Lương Xuân T và chị Hoàng Thị T1 số tiền là 767.790.000đồng được trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường là 240.000.000đồng.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s gold, vỏ màu vàng - trắng, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo PH1 chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Tiến A về tội danh và điều luật áp dụng, về mức hình phạt đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là nặng trong vụ án này bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo có bố đẻ là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, viện kiểm sát không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo với mức án thấp nhất trong khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã đối đáp ý kiến của luật sư bào chữa của bị cáo: Mức án viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 năm tù đến 13 năm tù là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật, về tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như luật sư đề nghị nếu có đầy đủ căn cứ thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên lời luận tội tại phiên tòa.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí lời bào chữa của luật sư. Phần nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều

tra Công An tỉnh Thái Nguyên; Cửa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị hại là anh T và chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận xét thấy: Bị hại đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Tiến A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ xác định:

Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, bị cáo Nguyễn Tiến A đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra thông tin có người quen công tác tại Bộ Công An và có khả năng xin biên chế vào ngành Công An. A đặt điều kiện phải đưa cho A số tiền là 35.000USD, đưa tiền một lần và phải đưa trước khi nhận quyết định tuyển dụng. Do tin tưởng thông tin Nguyễn Tiến A đưa ra là có thật nên ngày 24/9/2016, tại nhà ông Trần Quang C, vợ chồng ông Lương Xuân T và bà Hoàng Thị T1 đã giao cho A số tiền 35.000USD Mỹ (quy đổi ra VNĐ vào thời điểm ngày 24/9/2016 có giá trị là 767.790.000đ) để nhờ xin việc cho con trai của anh T, chị T1 là anh Lương Hoàng H1 vào biên chế trong ngành Công An. Sau khi nhận được số tiền trên, A không liên hệ xin việc cho anh H1 vào biên chế trong ngành Công An như đã hứa hẹn với vợ chồng ông T mà A mang 35.000USD trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bản cáo trạng số 22 ngày 31/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tiến A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2...

3...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự và có mức án tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả bồi thường một phần tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Tiến A không có tài sản gì giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp của bị hại do đó căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến A phải bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại là 767.790.000đ, bị cáo bồi thường 240.000.000đồng còn phải bồi thường 527.790.000đồng

Về vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong bên ngoài ghi có điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s gold vỏ màu vàng- trắng đã qua sử dụng, phía sau thân máy có ghi Model A1688 FCCID: BCG-E2946A, trong máy có 01 sim Viettel. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai đó là điện thoại bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Trong vụ án này còn có anh Nguyễn Sơn Đ là người Nguyễn Tiến A khai có quan hệ quen biết với A, ông Trần Quang C và ông Trương Thanh T2 là người giới thiệu cho vợ chồng ông Lương Xuân T, bà Hoàng Thị T1 liên hệ với Nguyễn Tiến A để nhờ A xin việc cho anh Lương Hoàng H1, đồng thời người giới thiệu ông Lương Xuân T và bà Hoàng Thị T1 để thỏa thuận với A nhưng anh Đ, ông C và ông T2 không có hứa hẹn, không tham gia thực hiện tội phạm cùng A, do vậy không có căn cứ để xử lý.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có phần nghiêm khắc, đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Nguyễn Tiến A 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2017.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến A phải bồi thường cho anh Lương Xuân T và chị Hoàng Thị T1 số tiền 527.790.000đồng (năm trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng)

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 bì niêm phong bên ngoài ghi có điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s gold vỏ màu vàng- trắng đã qua sử dụng, phía sau thân máy có ghi Model A1688 FCCID: BCG-E2946A, trong máy có 01 sim Viettel. Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/7/2018).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tiến A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 25.111.600đồng (hai mươi lăm triệu một trăm mười một nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành khoản tiền nêu trên thì trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự quy định: “trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAD cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- CA tỉnh TN, Trại TG;
- Cục THA dân sự tỉnh TN;
- THA Hình sự;
- Bị cáo (Qua trại);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- TAD cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- CA tỉnh TN, Trại TG;
- Cục THA dân sự tỉnh TN;
- THA Hình sự;
- Bị cáo (Qua trại);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

